TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2017
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà.

Bà Lê Thị Ngọc Oanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Dự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bertrand Edouard C; cư trú tại: Đường V, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T; cư trú tại: Đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- *Người phiên dịch:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N; cư trú tại: đường Đ, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bertrand Edouard C, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Do ông Bertrand Edouard C sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, nên quen biết, gặp gỡ chị Nguyễn Thị Thu T; sau thời gian tìm hiểu và có tình cảm với nhau nên cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông và chị T đã đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 7 năm 2015. Tuy nhiên, sau khi kết hôn chị T không đồng ý đến chung sống với ông mà vẫn ở nhà với mẹ đẻ tại địa chỉ đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh ngay sau khi kết hôn do chị T không đồng ý đến chung sống với ông và vẫn có quan hệ tình cảm với bạn trai cũ; chị T không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với ông; và luôn yêu cầu ông đưa tiền để thanh toán các khoản nợ riêng của gia đình chị T. Hiện tại do tình trạng hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với chị T.

- Về con: Ông Bertrand Edouard C xác định là vợ chồng ông, bà có một con chung tên Courné Dang Nhã An; sinh ngày 02 tháng 12 năm 2015. Ly hôn ông đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng; ông không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông Bertrand Edouard C xác định là vợ chồng ông, bà không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Bertrand Edouard C xác định là vợ chồng ông, bà không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T không có văn bản phản hồi ý kiến cho Tòa án, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia

tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 40, Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bertrand Edouard C đối với chị Nguyễn Thị Thu T; giao con chung tên Courné Dang Nhã An; sinh ngày 02 tháng 12 năm 2015 cho chị T trực tiếp nuôi và ông Bertrand Edouard C không phải cấp dưỡng cho con.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Bertrand Edouard C, Quốc tịch Cộng hòa Pháp; có địa chỉ cư trú tại đường V, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T, Quốc tịch Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, khoản 2 Điều 227, Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn ông Bertrand Edouard C và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng theo thủ tục niêm yết công khai cho bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T nhưng

chị T không có phản hồi ý kiến cho Tòa án, cũng như không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Bertrand Edouard C.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T của ông Bertrand Edouard C thì thấy, ngay sau khi kết hôn thì giữa ông C và chị T đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không dành tình cảm vợ chồng cho ông C; vợ chồng mỗi người sống một nơi dẫn đến mất lòng tin của ông C đối với chị T; tình cảm vợ chồng phai nhạt nhanh chóng; bất đồng về quan điểm, lối sống gây ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc không thể hàn gắn được. Ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn chị T của ông C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con: Ông Bertrand Edouard C và chị Nguyễn Thị Thu T có một con chung tên là Courné Dang Nhã An; sinh ngày 02 tháng 12 năm 2015. Xét yêu cầu của ông C về giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng cho con, thì thấy, hiện nay cháu Courné Dang Nhã An đang sống cùng với chị T và cháu chưa được 36 tháng tuổi nên cần giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; đối với yêu cầu không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, thì do chị T không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung; nợ chung: Ông Bertrand Edouard C xác định vợ chồng ông không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nguyên đơn ông Bertrand Edouard C phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 470 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bertrand Edouard C đối với chị Nguyễn Thị Thu T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bertrand Edouard C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Về án phí: Ông Bertrand Edouard C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002994 ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; ông Bertrand Edouard C còn phải nộp 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Nguyên đơn ông Bertrand Edouard C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam